TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết.

Ông Nguyễn Hữu Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Săm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị Bích V, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* anh Lê Văn T, sinh năm 1977. (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Bích V trình bày: chị và anh Lê Văn T chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 22/9/2010 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với anh T có một người con chung tên Lê Thị Hồng G, sinh ngày 31/3/2005, hiện do anh T đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cải, tính tình không hợp nhau, anh T không chăm lo gia đình vợ con, thường hay uống rượu về đánh chị. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.

Về nuôi con chung: chị V thống nhất giao con chung tên Lê Thị Hồng G, sinh ngày 31/3/2005 cho anh Lê Văn T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn T là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai: anh thống nhất như lời trình bày của chị V về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V sống chung với người khác nên anh và chị V không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh thống nhất ly hôn với chị Ngô Thị Bích V.

Về nuôi con chung: anh T yêu cầu nuôi con chung tên Lê Thị Hồng G, sinh ngày 31/3/2005 và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lê Thị Hồng G vắng mặt nhưng có lời khai: tôi là con của bà Ngô Thị Bích V và ông Lê Văn T. Nay cha mẹ ly hôn tôi có nguyện vọng sống với cha là ông Lê Văn T.

Ý kiến của Viện kiểm sát: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Bích V, cho chị V được ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: giao con chung tên Lê Thị Hồng G, sinh ngày 31/3/2005 cho anh Lê Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn T không yêu cầu chị Ngô Thị Bích V cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Hồng G nên không xem xét giải quyết. Về chia tài sản: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc chị Ngô Thị Bích V nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Ngô Thị Bích V và anh Lê Văn T tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36

và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Ngô Thị Bích V và anh Lê Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cải, không quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị V và anh T cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị V yêu cầu ly hôn với anh T và anh T vắng mặt nhưng có lời khai thống nhất ly hôn với chị V. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: xét thấy cháu Lê Thị Hồng G, sinh ngày 31/3/2005 do anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đồng thời, chị V cũng đồng ý giao con chung tên Lê Thị Hồng G cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu nuôi con của anh T là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý chí, nguyện vọng của Lê Thị Hồng G. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Hồng G nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: chị Ngô Thị Bích V và ông Lê Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị Ngô Thị Bích V và ông Lê Văn T tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Ngô Thị Bích V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 36; 39; 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích V và anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Thị Hồng G, sinh ngày 31/3/2005 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Văn T không yêu cầu chị Ngô Thị Bích V cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Hồng G nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Ngô Thị Bích V và anh Lê Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Ngô Thị Bích V và anh Lê Văn T tự khai không có nên nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Ngô Thị Bích V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010906 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị Ngô Thị Bích V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã Ninh Thới;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mỹ Ai